

SỞ Y TẾ TỈNH BẮC NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA LỤC NGẠN

Số: 28 / BVĐK-TCKT

V/v công khai số liệu và thuyết minh
tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước
năm 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phường Chũ, ngày 14 tháng 01 năm 2026

Kính gửi:

- Ban Giám đốc Bệnh viện đa khoa Lục Ngạn;
- Các khoa, phòng;
- Trạm Y tế các xã.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 374/QĐ-SYT ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế sau sắp xếp.

Căn cứ tình hình thực hiện thu chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Bệnh viện đa khoa Lục Ngạn công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Trung tâm Y tế Lục Ngạn như sau:

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Trên đây là nội dung thông báo của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế Bắc Ninh (b/c);
- Đăng Website đơn vị;
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Sinh

CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

*(Kèm theo Công văn số 28 /BVĐK-TCKT ngày 14/01/2026
của Bệnh viện đa khoa Lục Ngạn*

I. Nguồn kinh phí được giao

**1. Nguồn NSNN Tổng kinh phí được sử dụng trong năm 2025:
67.135155.000 đồng,**

Trong đó:

- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên: 53.904.005.679 đồng

- + Chi lương, phụ cấp chi thường xuyên khối dự phòng: 6.841.000.000đ
- + Chi lương, phụ cấp chi thường xuyên khối Dân số huyện: 1.325.000.000đ
- + Chi lương, phụ cấp chi thường xuyên khối Dân số xã: 4.908.257.225đ
- + Chi lương, phụ cấp chi thường xuyên khối TYT: 40.829.748.454đ

- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên: 16.513.042.000 đồng, trong đó:

- + Kinh phí sửa chữa nhà cửa: 900.000.000 đồng
- + Kinh phí sửa chữa nhà cửa bão số 3 năm 2024: 477 500 000đồng
- + Mua sắm hệ thống máy nội soi: 3.291.000.000 đồng
- + Kinh phí Quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử: 270.000.000 đồng
- + Kinh phí đề án công nghệ thông tin ngành Y tế: 2.700.000.000 đồng
- + Kinh phí trả BHXH cho bà Nguyễn Thúy Hoàn: 10.783.000đồng
- +Tiền thưởng khối dự phòng, dân số, Trạm Y tế: 2.505.000.000đ
- + Kinh phí khám tuyển Nghĩa vụ quân sự, CANDL 1 298 370 000đ
- +Kinh phí cho hỗ trợ cán bộ Y tế theo NQ 09/2024/NQ-HĐND: 103 002 000đ
- + Kinh phí CTMT Dự án 7: 2.780.000.000 đồng
- + Kinh phí CTMT tiểu dự án 2: 2.177.387.000.000 đồng

2. Nguồn thu sự nghiệp y tế

- Tổng thu sự nghiệp năm 2025: 121.731.000 000 đồng, đạt 105% so với dự toán năm 2025, bằng 102% so với cùng kỳ năm 2024.

II. Tình hình thực hiện dự toán chi

1. Nguồn NSNN Tổng kinh phí ước sử dụng năm 2025: 59.137.792.684 đồng, đạt 83% so với dự toán giao năm 2025.

2. Nguồn thu sự nghiệp

-Chi từ nguồn thu sự nghiệp được để lại: 109.009.106.000đồng,bằng 112.5% so với cùng kỳ năm 2024.

-Số thuế nộp NSNN: 208.772.000 đồng, đạt 85% so với dự toán năm 2025, bằng 72.6% so với cùng kỳ năm 2024.

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Năm 2025

(Kèm theo Công văn số 28 /BVĐK-TCKT ngày 14/01/2026 của Bệnh viện đa khoa Lục Ngạn

Đơn vị tính: 1000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	So sánh (%)	
				ước thực hiện năm 2025/Dự toán năm 2025 (tỷ lệ %)	ước thực hiện năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí; thu dịch vụ và thu khác				
I	Số thu viện phí, lệ phí; thu dịch vụ	115.880.000	121.731.000	105,05	102,25
1	Thu từ dự phòng	1.050.000	953.132	90,77	81,46
	Thu dịch vụ từ dự phòng (DV vắc xin)	480.000	563.849		
	Thu từ dự phòng (Methadone)	570.000	389.283		
2	Thu từ Điều trị	108.950.000	115.439.455	105,96	102,74
	Thu từ người bệnh	11.000.000	16.178.078		
	Thu từ KCB BHYT	95.000.000	97.510.905		
	Thu từ điều trị (Nhà xe, căng tin, quầy thuốc)	950.000	1.344.921		
	Giường XHH, dịch vụ, chọn bs, tắm bé, Plassma	2.000.000	405.552		
3	Thu từ KCB BHYT của Trạm Y tế xã	5.880.000	5.338.413	90,79	96,66
II	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí; thu dịch vụ (1+2+3)	115.635.000	109.009.156	94,27	112,58
1	Từ dự phòng	955.000	548.483	-	152,27
	Dịch vụ từ dự phòng (DV vắc xin)	385.000	191.445		
	Dịch vụ dự phòng (Methadone)	570.000	357.038		
2	Từ từ Điều trị	108.800.000	104.441.662	95,99	113,42

	Thu từ người bệnh	11.000.000	-		
	Thu từ KCB BHYT	95.000.000	104.178.217		
	Thu từ điều trị (Nhà xe, căng tin, quầy thuốc)	840.000			
	Giường XHH, dịch vụ, chọn bs, tắm bé, Plassma	1.960.000	263.445		
3	Từ Trạm y tế xã	5.880.000	4.019.011	68,35	91,61
III	Số phí, lệ phí nộp Ngân sách nhà nước	245.000	208.772	85,21	72,60
	Dịch vụ vắc xin	95.000	78.611		
	Thu từ điều trị (Nhà xe, căng tin, quầy thuốc)	110.000	122.050		
	Giường XHH, dịch vụ, chọn bs, tắm bé, Plassma	40.000	8.111		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp	70.417.047	59.137.788,0	83,98	104,16
I	Nguồn ngân sách nhà nước	70.417.047	59.137.788,0	83,98	104,16
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	70.417.047	59.137.788	83,98	104,16
4,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	53.904.005	49.697.380	92,20	112,90
4,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	16.513.042	9.440.408	57,17	74,01